

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KSFINANCE**

Hà Nội, tháng 11 năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Giải thích từ ngữ	3
Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin	5
Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin	6
Điều 5. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin.....	7
Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin	8
CHƯƠNG II. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY	8
MỤC 1: CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ	8
Điều 7. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán	8
Điều 8. Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét.....	9
Điều 9. Báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có).....	9
Điều 10. Các trường hợp phải giải trình nguyên nhân khi công bố báo cáo tài chính.....	10
Điều 11. Báo cáo thường niên	10
Điều 12. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 13. Báo cáo tình hình quản trị công ty	11
Điều 14. Gửi báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn.....	11
MỤC 2: CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG.....	12
Điều 15. Công bố thông tin bất thường 24 giờ	12
MỤC 3: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU	15
Điều 16. Công bố thông tin theo yêu cầu	15
MỤC 4: CÔNG BỐ THÔNG TIN KHÁC	15
Điều 17. Công bố thông tin về các hoạt động khác của công ty đại chúng.....	15
CHƯƠNG III. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN	16
Điều 18. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty	16
Điều 19. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.....	17
CHƯƠNG IV. QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN	18
Điều 20. Tổ chức công bố thông tin	18
Điều 21. Quy trình công bố thông tin	19

CHƯƠNG V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN, HIỆU LỰC THI HÀNH	20
Điều 22. Trách nhiệm của người thực hiện công bố thông tin	20
Điều 23. Trách nhiệm, quan hệ giữa các phòng ban trong việc cung cấp thông tin cho người thực hiện công bố thông tin.....	21
Điều 24. Tổ chức thực hiện, xử lý vi phạm	21
Điều 25. Hiệu lực thi hành.....	22
PHỤ LỤC 1. QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN	23
PHỤ LỤC 2. DANH MỤC TÀI LIỆU CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ.....	25

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KSFINANCE

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2021/KSF/NQ-HĐQT ngày /11/2021 của
Hội đồng quản trị CTCP Tập đoàn KSFinance)*

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty Cổ phần Tập đoàn KSFinance khi tham gia thị trường chứng khoán.
2. Đối tượng áp dụng:
 - a) Công ty Cổ phần Tập đoàn KSFinance;
 - b) Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin;
 - c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công ty* là Công ty Cổ phần Tập đoàn KSFinance
2. *HĐQT*: Hội đồng quản trị
3. *Đối tượng công bố thông tin* là các đối tượng quy định tại khoản 2, Điều 1 Quy chế này.
4. *Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin* bao gồm:
 - a) Nhà đầu tư là người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;
 - b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
 - c) Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để trở thành cổ đông lớn của Công ty;
 - d) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.
5. *Người nội bộ* là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty, bao gồm:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - b) Thành viên Hội đồng quản trị;
 - c) Người đại diện theo pháp luật của Công ty;
 - d) Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc;
 - e) Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán (trường hợp chưa bổ nhiệm Kế toán trưởng);

- f) Các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - g) Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm toán nội bộ;
 - h) Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty;
 - i) Người được ủy quyền công bố thông tin.
6. *Người có liên quan* là tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
7. *Ngày công bố thông tin* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy chế này.
8. *Ngày báo cáo* là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.
9. *Số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành* là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ.
10. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận* là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.
11. *Ngày thực hiện giao dịch chứng khoán* được xác định như sau:
- a) Là ngày đặt lệnh giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;
 - b) Là ngày đăng ký thực hiện giao dịch quyền mua, đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu trong trường hợp thực hiện quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu;
 - c) Là ngày các bên đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
 - d) Là ngày nộp phiếu tham dự đấu giá trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;
 - e) Là ngày các bên đề nghị chuyển nhượng tại tổ chức phát hành trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.
12. *Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán* được xác định như sau:
- a) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;
 - b) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua;
 - c) Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành;

- d) Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
 - e) Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;
 - f) Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.
13. *Luật Doanh nghiệp* là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2021;
14. *Luật Chứng khoán* là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
15. *Nghị định 155/2020/NĐ-CP* là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
16. *Thông tư 96/2020/TT-BTC* là Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
17. *Thông tư 118/2020/TT-BTC* là Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng.

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.
2. Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
3. Các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán thực hiện công khai thông tin.
4. Việc công bố thông tin phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền

cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện. Việc công bố thông tin do người thực hiện công bố thông tin thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 6 Quy chế này.

5. Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định tại Quy chế này như sau:
 - a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;
 - b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm.
6. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt.

Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin

1. Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty.
 - a) Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả Tổng Giám đốc và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì các Phó Tổng Giám đốc thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm thực hiện công bố thông tin;
 - b) Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.
2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc ủy quyền cho 01 tổ chức (Công ty, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, thành viên lưu ký, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc tổ chức khác) hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như sau:
 - a) Trường hợp tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin, trong lần công bố thông tin đầu tiên, nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC và có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi các nội dung trong Bản cung cấp thông tin nêu trên;
 - b) Trường hợp ủy quyền công bố thông tin, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) cho tổ chức hoặc cá

nhân được ủy quyền công bố thông tin để những người này thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định pháp luật;

- c) Cá nhân phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người được ủy quyền công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc ủy quyền công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người được ủy quyền công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC (trường hợp người được ủy quyền công bố thông tin là cá nhân).
3. Nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin theo quy định của Thông tư 96/2020/TT-BTC, Quy chế Công bố thông tin này và pháp luật về hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 5. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin

1. Các phương tiện Công ty sử dụng công bố thông tin bao gồm:
 - a) Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
 - b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán nhà nước;
 - c) Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán;
 - d) Trang thông tin điện tử của Trung tâm lưu ký chứng khoán;
 - e) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử).
2. Công ty sử dụng trang thông tin điện tử để thực hiện công bố thông tin theo quy định sau:
 - a) Công ty phải báo với Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi trang thông tin điện tử này;
 - b) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị công ty (nếu có), Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác quy định tại Thông tư này;
 - c) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.
3. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, Công ty thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

4. Cách thức báo cáo, công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.
5. Công ty không phải gửi bản giấy để báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả các phương tiện báo cáo, công bố tại điểm a, b và c Khoản 1 Điều này và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử, trừ trường hợp Quy chế công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán và Ủy ban Chứng khoán nhà nước có quy định khác.

Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.
2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG II. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

MỤC 1: CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Điều 7. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán

1. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:

- a) Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

Trường hợp công ty là công ty mẹ của một tổ chức khác, công ty phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm của riêng công ty và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

Trường hợp công ty là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải công bố báo cáo tài chính năm tổng hợp theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác, đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng, công ty phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm tổng hợp và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

- b) Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính.

2. Thời hạn công bố:

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được công bố trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Điều 8. Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét

Công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

1. Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Công ty, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Quy chế này;
2. Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;

3. Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên:

Công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

Điều 9. Báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có)

1. Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Quy chế này;
2. Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;

3. Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý

Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Công ty công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng thì phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

Trường hợp Công ty đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của Báo cáo tài chính quý thì không phải thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý.

Điều 10. Các trường hợp phải giải trình nguyên nhân khi công bố báo cáo tài chính

1. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 Quy chế này Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
 - b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
 - c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.
2. Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 1 Điều này trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất

Điều 11. Báo cáo thường niên

1. Báo cáo thường niên được lập theo mẫu Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.
2. Thời hạn công bố chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

Điều 12. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông

1. Công ty phải công bố thông tin tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông
 - a) Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và của Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
 - b) Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.
 - c) Trường hợp không tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, Công ty phải công bố về chương trình và thời điểm dự kiến tổ chức các cuộc họp kế tiếp, tiếp tục duy trì việc đăng tải và cho phép cổ đông tải tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản này cho đến khi tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông.

3. Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trong thời hạn 24 giờ kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 13. Báo cáo tình hình quản trị công ty

Công ty công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị công ty theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch

Bên cạnh việc lập Báo cáo tình hình quản trị công ty theo Phụ lục V của Thông tư 96/2020/TT-BTC, Công ty gửi kèm bản dữ liệu điện tử Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty theo Mẫu 09_CBTT/SGDHN kèm theo Quy chế công bố thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Điều 14. Gửi báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn

Công ty gửi báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm dương lịch cho Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Báo cáo 6 tháng đầu năm căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 30/06, gửi tới Sở Giao dịch chứng khoán chậm nhất là ngày 30/7; Báo cáo 6 tháng cuối năm căn cứ trên danh sách cổ đông chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 31/12, gửi tới Sở giao dịch chứng khoán chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo, theo Mẫu 01_CBTT/SGDHN kèm theo Quy chế công bố thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

MỤC 2: CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Điều 15. Công bố thông tin bất thường 24 giờ

1. Công ty đại chúng phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a) Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;
- b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.

Đối với thông tin công bố về thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty thực hiện công bố thông tin theo Mẫu 05_CBT/SGDHN kèm theo Quy chế công bố thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và gửi kèm bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi;

- c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;
- d) Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;
- e) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;
- f) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;
- h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con,

công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết, ngoài việc thực hiện công bố thông tin theo quy định, tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện đăng ký theo Mẫu 06_CBT/SGDHN kèm theo Quy chế này trong vòng 24 giờ kể từ khi có quyết định thay đổi;

- i) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng;
- j) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Công ty công bố thông tin với Sở Giao dịch chứng khoán: thực hiện theo mẫu 07/CBTT/SGDHN kèm theo Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ngoài ra, Công ty có trách nhiệm công bố khối lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành trên trang thông tin điện tử của Công ty và cập nhật dữ liệu trong vòng 24 giờ kể từ khi báo cáo Ủy ban Chứng khoán nhà nước về kết quả phát hành hoặc giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc các trường hợp khác dẫn đến thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết.

Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ, công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

- k) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Trường hợp này, Công ty thực hiện công bố thông tin theo Mẫu 02_CBT/SGDHN và Mẫu 03_CBT/SGDHN ban hành kèm theo Quy chế công bố thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và đính kèm quyết định/nghị quyết về việc thay đổi nhân sự trong vòng 24 giờ kể từ khi ban hành quyết định/nghị quyết. Đồng thời, công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

Trường hợp có phát sinh thay đổi người có liên quan của người nội bộ, Công ty thực hiện báo cáo Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi theo Mẫu 04_CBT/SGDHN và Mẫu 03_CBT/SGDHN kèm theo Quy chế công bố thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- l) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;
 - m) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty;
 - n) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;
 - o) Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;
 - p) Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;
 - q) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty;
 - r) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.
 - s) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;
 - t) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ);
 - u) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).
2. Đối với các sự kiện cần có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền, Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định kể từ khi ban hành quyết định/ng nghị quyết và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.
3. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).
4. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:
- a) Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại Điều 12 Quy chế này;
 - b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Công ty phải công bố trên website, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.
5. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu:
- a) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại

điểm b khoản này;

- b) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
 - c) Trường hợp Công ty hủy thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện, các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền của Sở Giao dịch chứng khoán, Công ty gửi thông báo bằng văn bản cho Sở Giao dịch chứng khoán nêu rõ lý do trong vòng 24 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, đồng thời công bố thông tin về việc hủy nội dung thông báo.
6. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 10, khoản 2 và khoản 3 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC.
7. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác
- Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

MỤC 3: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU

Điều 16. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Trong các trường hợp sau đây, Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - a) Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
 - b) Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.
2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

MỤC 4: CÔNG BỐ THÔNG TIN KHÁC

Điều 17. Công bố thông tin về các hoạt động khác của công ty đại chúng

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.
- Công ty đại chúng thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt

động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Công ty đại chúng phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

CHƯƠNG III. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 18. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Công ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.
2. Cổ đông lớn của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.
Việc thay đổi số lượng cổ phiếu vượt quá các ngưỡng 1% được xác định tại các ngưỡng 6%, 7%, 8%,... (không căn cứ trên tỷ lệ sở hữu của lần báo cáo gần nhất).
3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 14 Điều 2 Quy chế này.
4. Quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty. Đối với đối tượng là nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty thì thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục IX và Phụ lục X ban hành kèm theo

Thông tư 96/2020/TT-BTC căn cứ trên tổng số lượng cổ phiếu mà nhóm nhà đầu tư nước ngoài đó nắm giữ.

5. Quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc Công ty phát hành thêm cổ phiếu.
6. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 19. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

1. Người nội bộ của Công ty đại chúng và người có liên quan của các đối tượng này (sau đây gọi chung là người có liên quan) phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, Công ty khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:
 - a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;
 - b) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do Sở giao dịch chứng khoán đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ Sở giao dịch chứng khoán;
 - c) Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu, chứng chỉ quỹ hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;
 - d) Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ, quyền mua chứng chỉ quỹ hoặc chứng quyền có bảo đảm trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó; ngoại trừ trường hợp công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam là người có liên quan của người nội bộ thực hiện đăng ký, giao dịch mua và bán chứng khoán cho các quỹ ETF hoặc đầu tư theo chỉ định của khách hàng ủy thác tuy nhiên phải đảm bảo từng khách hàng ủy thác không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán trong cùng một đợt đăng ký;

- e) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;
- f) Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 25 Quy chế này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.
2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 25 Quy chế này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 25 Quy chế này.
 3. Quy định về nghĩa vụ công bố thông tin tại điểm a, b và d khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp công ty chứng khoán bán giải chấp cổ phiếu của khách hàng là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này.
 4. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.
 5. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của ủy viên, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, tổ chức niêm yết trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.
 6. Trường hợp công ty mẹ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty thực hiện giao dịch chứng khoán của công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.
 7. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

CHƯƠNG IV. QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 20. Tổ chức công bố thông tin

1. Thông tin Công ty có nghĩa vụ công bố
 - a) Công bố thông tin định kì được thực hiện theo một quy trình đảm bảo thông tin luôn được công bố kịp thời, đúng quy định;
 - b) Các thông tin bất thường về thời gian nhưng thường xuyên phát sinh trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp cũng được thực hiện theo một quy trình có thể kiểm soát.

- c) Các thông tin bất thường khác và thông tin công bố theo yêu cầu phải có quy định xử lý từ khi tiếp nhận thông tin đến khi công bố thông tin.
- 2. Các thông tin Công ty tiếp nhận từ các đối tượng có nghĩa vụ công bố
 - a) Công ty lập, lưu trữ thông tin, cập nhật danh sách tổ chức, cá nhân, nhóm người sở hữu 5% số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết để theo dõi nghĩa vụ công bố thông tin.
 - b) Công ty lập, lưu trữ danh sách, thông tin người nội bộ và người có liên quan người nội bộ. Danh sách và thông tin được cập nhật thường xuyên mỗi khi có thay đổi.
 - c) Việc tiếp nhận, xử lý thông tin từ các đối tượng có nghĩa vụ công bố ở Điểm a, b Khoản này và các đối tượng khác, sau đó Công ty thực hiện công bố theo quy định phải được xác lập bằng một quy trình có thể kiểm soát.

Điều 21. Quy trình công bố thông tin

- 1. Tiếp nhận yêu cầu công bố thông tin
 - a) Thông tin định kỳ đã được xác lập về thời gian và giao cho từng cá nhân, đơn vị cụ thể có trách nhiệm xử lý thông tin.
 - b) Việc tiếp nhận từng loại thông tin bất thường, thông tin theo yêu cầu phải công bố phải được giao cụ thể cho từng đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận. Khi có thông tin đến, bất cứ cá nhân, đơn vị nào tiếp nhận cũng phải được chuyển đến đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận để xử lý chuyển tiếp.
- 2. Xử lý thông tin
 - a) Xử lý thông tin là quá trình tạo ra thông tin để công bố.
 - b) Các cá nhân, đơn vị được giao trách nhiệm xử lý thông tin có quyền yêu cầu trong nội bộ Công ty cũng như các đơn vị có vốn góp của Công ty, hoặc các đối tượng liên quan khác cung cấp thông tin để phục vụ xử lý thông tin, phù hợp với các quy định của pháp luật và quy chế của Công ty.
 - c) Thông tin sau khi xử lý phải được người có trách nhiệm phê duyệt.
 - d) Thông tin phải có định dạng sau:
 - Văn bản là bản chính có đầy đủ dấu và chữ ký hợp lệ theo quy định của pháp luật;
 - File dữ liệu điện tử:
 - + File có định dạng DOC, DOCX và EXCEL phải ghi đầy đủ tên và chức vụ người ký văn bản, số hiệu, ngày tháng văn bản;
 - + File có định dạng PDF phải từ văn bản gốc có chữ ký và dấu màu đỏ của Công ty.
 - File điện tử bản tiếng Việt thống nhất cách đặt tên không dấu, ví dụ "yyyy/mm/dd-Mã CK-Bao cao tài chính riêng năm 2017", " yyyy/mm/dd-Mã CK-Bao cao tài chính hợp nhất năm 2017" và tên phải đồng nhất khi có các định dạng khác nhau.
- 3. Gửi thông tin công bố

a) Thông tin sau khi được phê duyệt công bố, thông tin được chuyển đến Tổng Giám đốc/Người được ủy quyền công bố thông tin.

b) Gửi thông tin công bố đến Sở Giao dịch chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán nhà nước:

Đối với trường hợp đã đăng ký sử dụng hệ thống công bố thông tin CIMS của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và hệ thống IDS Pro của Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Công ty công bố thông tin thông qua hệ thống CIMS (ngoại trừ Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét) và hệ thống IDS Pro. Trường hợp không thể gửi thông tin công bố qua hệ thống CIMS, IDS Pro vì lý do bất khả kháng như hệ thống mạng, máy chủ gặp sự cố, không thể sử dụng chứng thư số..., Công ty gửi thông tin công bố bằng văn bản qua đường bưu điện/nộp trực tiếp đồng thời gửi bản dữ liệu điện tử qua e-mail đúng thời hạn quy định.

Đối với trường hợp chưa đăng ký sử dụng hệ thống công bố thông tin CIMS của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và hệ thống IDS Pro của Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Công ty gửi thông tin công bố bằng hình thức văn bản qua đường công văn hoặc nộp trực tiếp tại Sở Giao dịch chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán nhà nước và gửi dữ liệu điện tử tới địa chỉ email của Sở Giao dịch chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán nhà nước.

c) Bộ phận tin học Công ty đăng thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty tại chuyên mục "Quan hệ cổ đông". Trong chuyên mục "Quan hệ cổ đông" có các tiểu mục được quy định cho từng loại thông tin cụ thể.

4. Kiểm tra, nhận phản hồi

a) Đơn vị xử lý thông tin có trách nhiệm kiểm tra thông tin được công bố. Trường hợp phát hiện có sai lệch với thông tin công bố, thì phải báo cáo cho Tổng Giám đốc và người được ủy quyền công bố thông tin.

b) Trường hợp bên nhận thông tin do Công ty công bố phản hồi về tính chính xác của thông tin, thì các thông tin phản hồi được chuyển về đơn vị có trách nhiệm xử lý báo cáo Tổng Giám đốc và người được ủy quyền công bố thông tin, đồng thời đề xuất cách xử lý và cải chính thông tin.

CHƯƠNG V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN, HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 22. Trách nhiệm của người thực hiện công bố thông tin

1. Người thực hiện công bố thông tin là đầu mối thu thập các thông tin và thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty theo quy định tại Quy chế này.

2. Chức năng và nhiệm vụ của người thực hiện công bố thông tin:

a) Trung thực, trách nhiệm, cẩn trọng, miễn cán, có kiến thức về kế toán, tài chính và có kỹ năng nhất định về tin học;

b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;

- c) Có đủ thời gian thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề về quản trị Công ty theo quy định;
- d) Chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán, nhà đầu tư và những người có liên quan theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- e) Chịu trách nhiệm xây dựng Báo cáo thường niên hàng năm của Công ty để thực hiện công bố thông tin theo quy định.

3. Điều chỉnh thông tin công bố:

Trường hợp sau khi thực hiện công bố thông tin, Công ty nhận được các ý kiến phản hồi về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin công bố, người thực hiện công bố thông tin có trách nhiệm kiểm tra, xác minh và bổ sung, sửa đổi (nếu có) các thông tin đó trong vòng 48 giờ, kể từ khi nhận được ý kiến phản hồi, thực hiện công bố bổ sung/đính chính các thông tin theo quy định.

Điều 23. Trách nhiệm, quan hệ giữa các phòng ban trong việc cung cấp thông tin cho người thực hiện công bố thông tin

1. Người thực hiện công bố thông tin trong phạm vi chức năng của mình, định kỳ đơn đốc các Phòng, Ban, Chi nhánh, đơn vị trực thuộc cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế này;

Trường các Phòng, Ban, Chi nhánh, đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho cán bộ chuyên trách;

Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định tại Điều 15, 16 Quy chế này, Trường các Phòng, Ban, Chi nhánh, đơn vị trực thuộc (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm chủ động cung cấp thông tin cho người thực hiện công bố thông tin trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện;

2. Người thực hiện công bố thông tin tổng hợp các thông tin trình Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc phê duyệt; nội dung thông tin công bố, thời gian, phương tiện, phân công nhiệm vụ trước khi thực hiện công bố các thông tin theo quy định.
3. Người thực hiện công bố thông tin phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc kết quả thực hiện.

Điều 24. Tổ chức thực hiện, xử lý vi phạm

1. Công ty công bố Quy chế công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán nhà nước trước khi thực hiện;
2. Quy chế công bố thông tin được phổ biến đến toàn bộ các phòng, ban, Chi nhánh, đơn vị trực thuộc và cán bộ nhân viên của Công ty;
3. Phòng, Ban, Chi nhánh và đơn vị trực thuộc, cán bộ nhân viên thuộc Công ty có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi

phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp có sự thay đổi về pháp luật dẫn đến các quy định của bản Quy chế này trái hoặc không còn phù hợp với quy định pháp luật mới thì áp dụng theo quy định của pháp luật mới đó.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

Quy chế công bố thông tin này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 5 tháng 11 năm 2021 và được ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2021/KSF/NQ-HĐQT ngày 5 tháng 11 năm 2021.



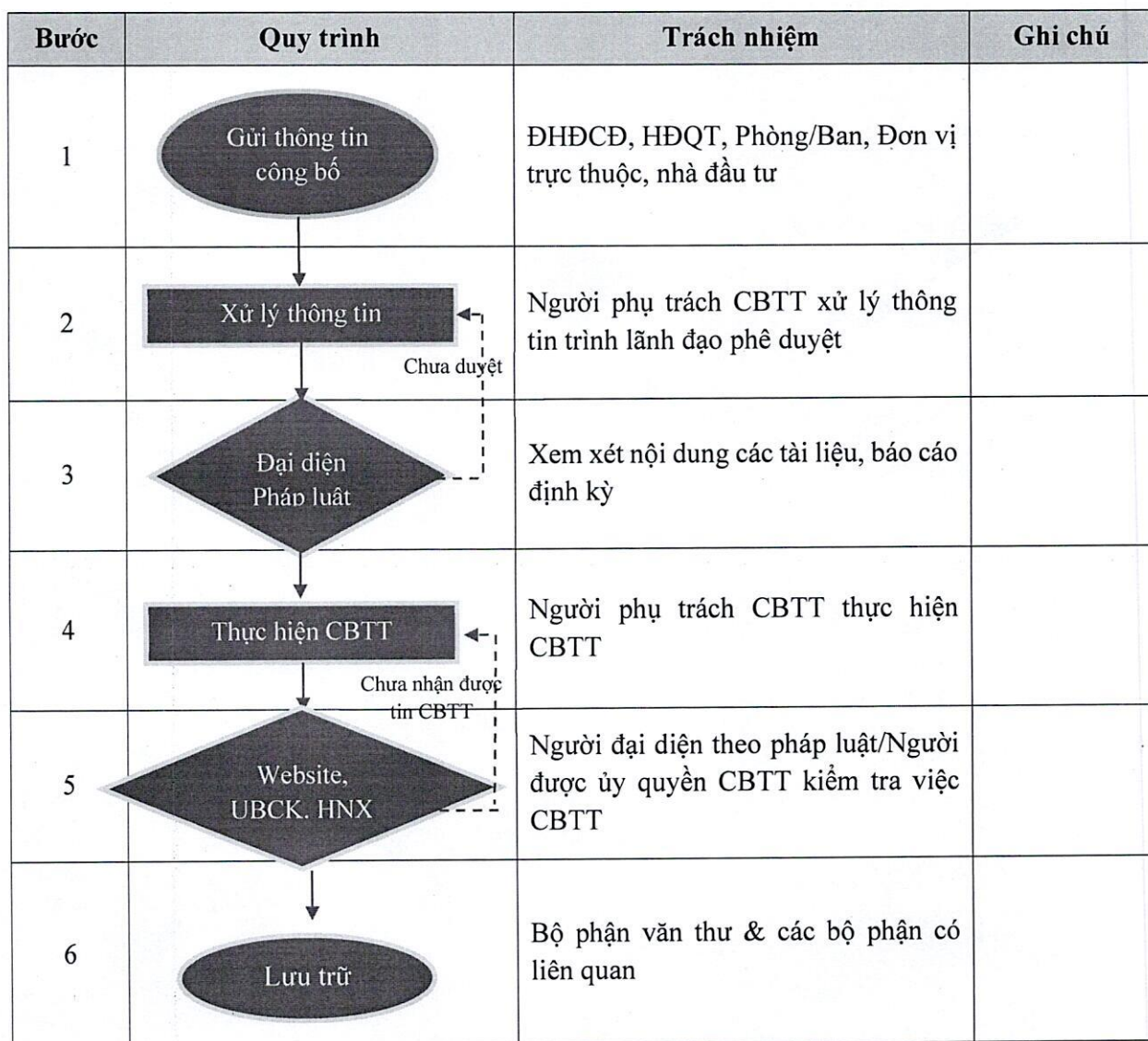
TỔNG GIÁM ĐỐC *Kant*

TỔNG GIÁM ĐỐC
Đỗ Thị Định

PHỤ LỤC 1. QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Quy trình này áp dụng cho việc công bố thông tin của Công ty và trường hợp Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin ủy quyền cho Công ty thực hiện công bố thông tin.

1. Sơ đồ quy trình công bố thông tin



2. Diễn giải

Bước 1: Gửi thông tin

Khi phát sinh các thông tin cần công bố theo quy định, các phòng ban liên quan hoặc nhà đầu tư cần tập hợp tài liệu, thông tin cần công bố gửi đến người phụ trách công bố thông tin.

Bước 2: Xử lý thông tin

Handwritten signature

Người phụ trách CBTT tiến hành kiểm tra tính chính xác của nội dung các báo cáo, đối chiếu với với các quy định theo Quy chế này và pháp luật hiện hành. Trường hợp thông tin được cung cấp chưa đúng với Quy chế này và của pháp luật, người phụ trách CBTT yêu cầu Phòng/Ban, Nhà đầu tư điều chỉnh, bổ sung thông tin cho phù hợp trong thời hạn công bố thông tin theo quy định.

Việc xử lý thông tin phải được thực hiện trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày nhận được thông tin (các trường hợp CBTT bất thường hoặc theo yêu cầu thì thời hạn sẽ được thông báo cụ thể).

Bước 3: Báo cáo người đại diện theo pháp luật

Người phụ trách CBTT báo cáo người đại diện theo pháp luật các thông tin cần công bố. Người đại diện theo pháp luật phải phê duyệt thông tin trong vòng ba (03) ngày trước ngày công ty phải CBTT theo quy định (các trường hợp CBTT bất thường hoặc theo yêu cầu thì thời hạn sẽ được thông báo cụ thể).

Bước 4: Thực hiện báo cáo công bố thông tin

Người phụ trách CBTT gửi văn bản công bố thông tin kèm dữ liệu điện tử đến Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán hoặc thông qua hệ thống công bố thông tin CIMS, IDS Pro, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, đồng thời gửi Ban Truyền thông đăng tải thông tin lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Bước 5: Kiểm tra thông tin đã công bố

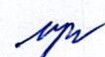
Người phụ trách CBTT kiểm tra các thông tin đã báo cáo với Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam trong vòng 03 ngày kể từ ngày gửi báo cáo. Trường hợp văn bản công bố thông tin chưa tới nơi cần công bố, người phụ trách CBTT kiểm tra và gửi lại báo cáo.

Bước 6: Lưu trữ

Thông tin sau khi đã thực hiện báo cáo sẽ do Phòng Quan hệ nhà đầu tư thuộc Ban IPO lưu trữ bằng văn bản tối thiểu trong thời hạn 10 năm và dữ liệu điện tử trong thời hạn 05 năm để phục vụ cho việc kiểm tra, đối chiếu lại khi cần thiết.

PHỤ LỤC 2. DANH MỤC TÀI LIỆU CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

STT	Báo cáo	Thời điểm CBTT	Thời hạn cuối cùng	Biểu mẫu
1	Báo cáo tài chính quý 4 năm XX-1	-	30/01/XX	-
2	Báo cáo tình hình quản trị năm XX-1	-	30/01/XX	Phụ lục V - Thông tư 96/2020/TT-BTC
3	Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty năm XX-1	-	30/01/XX	Quy chế CBTT HNX – Mẫu số 09
4	Báo cáo Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn năm XX-1	<i>Căn cứ trên danh cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/12</i>	30/01/XX	Quy chế CBTT HNX – Mẫu số 01
5	Báo cáo tài chính kiểm toán năm XX-1	<i>Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo</i>	31/03/XX (đối với năm không nhuận) và 30/03/XX (đối với năm nhuận)	-
6	Báo cáo thường niên năm XX-1	<i>Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán</i>	20/04/XX	Phụ lục IV – Thông tư 96/2020/TT-BTC
7	Tài liệu ĐHĐCĐ	<i>Trước Đại hội: CBTT ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền dự họp + CBTT thông báo mời họp, tài liệu họp</i> <i>Sau Đại hội: CBTT biên bản, nghị quyết ĐHĐCĐ, thông báo thay đổi nhân sự (nếu có), Điều lệ sửa đổi (nếu có) và các tài liệu kèm theo</i>	-	-
8	Báo cáo tài chính quý 1 năm XX	-	30/04/XX	-
9	Báo cáo tài chính quý 2 năm XX	-	30/07/XX	-



10	BCTC bán niên đã được soát xét	<i>Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức kiểm toán được chấp thuận ký báo cáo soát xét, nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính</i>	29/08/XX	-
11	Báo cáo quản trị 6 tháng đầu năm XX	-	30/07/XX	Phụ lục IV – Thông tư 96/2020/TT-BTC
12	Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty 6 tháng đầu năm năm XX	-	30/07/XX	Quy chế CBTT HNX – Mẫu số 09
13	Báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn 6 tháng đầu năm XX	<i>Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/06</i>	30/07/XX	Quy chế CBTT HNX – Mẫu số 01
14	Báo cáo tài chính quý 3 năm XX	-	30/10/XX	-

Ghi chú: Năm XX là năm của kỳ báo cáo